CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ MAXMED

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ MAXMED

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MAXMED TECHNOLOGY AND SERVICE JOIN STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MAXMED JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108645966

3. Ngày thành lập: 13/03/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 14B, ngách 83, ngõ 355 đường Xuân Đỉnh, Phường Xuân Đỉnh, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *02466564655* Fax:

Email: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	*2023*
2.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại;)	*2599*
3.	Sản xuất linh kiện điện tử	*2610*
4.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	*2620*
5.	Sản xuất thiết bị truyền thông	*2630*
6.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	*2640*
7.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	*2651*
8.	Sản xuất đồng hồ	*2652*
9.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	*2660*
10.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	*2670*
11.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	*2680*
12.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	*2710*
13.	Sản xuất pin và ắc quy	*2720*
14.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	*2731*
15.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	*2732*
16.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	*2733*
17.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	*2740*

18.	Sản xuất thiết bị điện khác	*2790*
19.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	*3092*
20.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	*3100*
21.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	*3250*
22.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	*3311*
23.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	*3312*
24.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	*3313*
25.	Sửa chữa thiết bị điện	*3314*
26.	Sửa chữa thiết bị khác	*3319*
27.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	*3320*
28.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	*3600*
29.	Thoát nước và xử lý nước thải	*3700*
30.	Thu gom rác thải không độc hại	*3811*
31.	Thu gom rác thải độc hại	*3812*
32.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	*3821*
33.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	*3822*
34.	Tái chế phế liệu	*3830*
35.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	*3900*
36.	Xây dựng nhà để ở	*4101*
37.	Xây dựng công trình điện	*4221*
38.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	*4222*
39.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	*4223*
40.	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
41.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	*4322*
42.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	*4649*
43.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	*4651*
44.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	*4652*
45.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	*4653*
46.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	*4659(Chính)*
47.	Bán buôn tổng hợp	*4690*
48.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	*4711*
49.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*4722*
50.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	*4759*
51.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	*4771*

52.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	*4772*
53.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	*4773*
54.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	*4783*
55.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	*4784*
56.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	*4789*
57.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	*4791*
58.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	*5510*
59.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	*5610*
60.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	*5621*
61.	Lập trình máy vi tính	*6201*
62.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	*6202*
63.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	*7120*
64.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	*7211*
65.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	*7212*
66.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	*7213*
67.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	*7214*
68.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	*7410*
69.	Cho thuê xe có động cơ	*7710*
70.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	*7730*
71.	Đại lý du lịch	*7911*
72.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	*7990*
73.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	*8110*
74.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	*8129*
75.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	*8620*
76.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chỉnh hình, phục hồi chức năng	*8692*
77.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	*9511*
78.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	*9512*
79.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	*9521*
80.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	*9522*
81.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	*9524*

82.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	*9529*
83.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	*8299*

6. Vốn điều lệ: 500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ HÙNG	Thôn Đặng Giang, Xã Hòa Phú, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	16.665	166.650.000	33,330	001088019839	
			Tổng số	16.665	166.650.000	33,330		
2	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	Số 65 ngõ 291 đường Lạc Long Quân, Tổ 7, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	16.670	166.700.000	33,340	013097645	
			Tổng số	16.670	166.700.000	33,340		
3	VƯƠNG TRÍ TIẾP	Thôn Yên Mã, Xã Tân Hòa, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	16.665	166.650.000	33,330	001090027543	
			Tổng số	16.665	166.650.000	33,330		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần *(VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)*	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: PHÍ THỊ NGỌC DIỆP Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *19/03/1980* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *011964383*

Ngày cấp: *17/03/2012* Nơi cấp: *Công an TP Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 65 ngõ 291 đường Lạc Long Quân, Tổ 7, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 14B, ngách 83, ngõ 355 đường Xuân Đỉnh, Phường Xuân Đỉnh, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội